TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Sầm.

2. Bà Mai Thị Nhặc.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Chị và anh Võ Văn C tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2011. Sau khi thành hôn, anh chị cùng đi làm và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí M. Chị và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống và tài chính, anh C thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị, anh C không quan tâm chăm lo cho gia đình, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không thay đổi, anh chị thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh C

sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh C cũng có trao đổi về những mâu thuẫn nhằm hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung tên Võ Nguyễn Khởi N, sinh ngày: 19/12/2012 và Võ Nguyễn Nhựt M, sinh ngày: 01/9/2016, hiện tại các con đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng chỉ yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 900.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Võ Văn C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh C cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ N đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị V được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Chị V và anh C có hai con chung tên Võ Nguyễn Khởi N, sinh ngày: 19/12/2012 và Võ Nguyễn Nhựt M, sinh ngày: 01/9/2016. Chị V được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Võ Nguyễn Khởi N và Võ Nguyễn Nhựt M.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con là Võ Nguyễn Khởi N và Võ Nguyễn Nhựt M, mỗi con 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Tuyết V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Võ Văn C có nơi cư trú tại ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Võ Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn C theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Võ Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh C được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị V cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh C không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính, anh C thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị V, anh C không quan tâm chăm lo gia đình, anh chị thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng nên chị V và anh C sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị V, cũng như anh C không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm tìm biện pháp tích cực giúp vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh C đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cụ thể: Chị V được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh C có hai con chung tên Võ Nguyễn Khởi N, sinh ngày: 19/12/2012 và Võ Nguyễn Nhựt M, sinh ngày: 01/9/2016. Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy, khi được Tòa án lấy ý kiến thì cháu N và cháu M có nguyện vọng được sống cùng chị V sau khi chị V và anh C ly hôn, ý kiến của các cháu là tự nguyện, không bị ai ép buộc; bên cạnh đó, cháu N và cháu M sống cùng với chị V từ khi chị V và anh C sống ly thân cho đến nay. Anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống không bị thay đổi và sự phát triển bình thường của các con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao con chung là cháu Võ

Nguyễn Khởi N và cháu Võ Nguyễn Nhựt M cho chị V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo đơn khởi kiện, chị V yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị V thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng chỉ yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 900.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc chị V thay đổi về mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, quá trình Tòa án giải quyết, anh C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị V. Xét thấy, sau khi ly hôn anh C không trực tiếp nuôi các con và yêu cầu của chị V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V. Buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con là Võ Nguyễn Khởi N và Võ Nguyễn Nhựt M, mỗi con 900.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày chị và anh C không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị V là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Anh C phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết V, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết V được ly hôn với anh Võ Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Võ Văn C có hai con chung tên Võ Nguyễn Khởi N, sinh ngày: 19/12/2012 và Võ Nguyễn Nhựt M, sinh ngày: 01/9/2016.

Chị Nguyễn Thị Tuyết V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Võ Nguyễn Khởi N và Võ Nguyễn Nhựt M.

Anh Võ Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con là Võ Nguyễn Khởi N và Võ Nguyễn Nhựt M, mỗi con 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Võ Văn C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Võ Văn C có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Võ Văn C không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Võ Văn C không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002167 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Tuyết V đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Văn C phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: N đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AD;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.